

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lô.
2. Ông Nguyễn Văn Dế.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Luyến –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-DS, ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1951; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L (văn bản ủy quyền ngày 27/5/2021).

2. Bị đơn: Ông Trần Huỳnh H, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh L.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn Phạm Thị B là bà Võ Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện của bà B và tại biên bản hòa giải ngày 24/02/2022 đại diện nguyên đơn là bà Q có ý kiến như sau:

Ông Trần Huỳnh H có vay tiền của bà B và còn nợ số tiền là 72.000.000đ. Cụ thể: Ngày 28/3/2014 vay số tiền 10.000.000đ; Ngày 03/7/2014 vay số tiền 50.000.000đ và số tiền 7.000.000đ; Ngày 04/7/2014 vay số tiền 5.000.000đ. Khi vay tiền hai bên không thỏa thuận thời gian trả, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng. Năm 2019 bà B yêu cầu ông H trả nợ, ông H xin 01 tháng sẽ hoàn trả nhưng đến nay không trả tiền cho bà B nên bà B yêu cầu ông H hoàn trả số tiền 72.000.000đ và lãi suất 1%/tháng từ ngày 05/7/2014 cho đến nay.

Ngày 19/4/2022 đại diện nguyên đơn có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu ông H trả số tiền vay ngày 28/3/2014 vay số tiền 10.000.000đ, ngày 03/7/2014 vay số tiền 50.000.000đ và số tiền 7.000.000đ; Không yêu cầu trả số tiền 5.000.000đ ngày 04/7/2014; không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Huỳnh H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Huỳnh H phải trả số tiền vay còn nợ nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và ông H hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt của đại diện nguyên đơn, bị đơn theo quy định Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vay còn nợ là 67.000.000đ. Nguyên đơn có cung cấp Biên nhận ngày 28/3/2014 có nội dung: "...Tôi Trần Huỳnh H có mượn cô Bảy 10.000.000đ..."; Biên nhận ngày 03/7/2014 có nội dung "...Tôi Trần Huỳnh H có mượn cô B 7.000.000đ..." và nội dung "...Tôi

Trần Huỳnh H có mượn cô B 50.000.000đ...” có chữ ký của ông H. Tòa án đã tiến hành niêm yết cho ông H thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng ông H không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, có căn cứ xác định hiện ông H còn nợ số tiền vay của bà B. Căn cứ Điều 6 Bộ Luật Tố tụng dân sự đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Xét ông H không đến Tòa án và cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho mình xem như ông H từ chối việc cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên xác định ông H có nợ của bà B số tiền 67.000.000đ. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Trần Huỳnh H phải trả số tiền là 67.000.000đ cho bà Phạm Thị B.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 5.000.000đ và lãi suất 1%/tháng từ ngày 05/7/2014 cho đến nay nhưng ngày 19/4/2022 đại diện nguyên đơn rút yêu cầu không yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 5.000.000đ ngày 04/7/2014 và tiền lãi. Việc rút lại yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Huỳnh H.

Buộc ông Trần Huỳnh H trả cho bà Phạm Thị B số tiền vay còn nợ là 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị B yêu cầu ông Trần Huỳnh H trả số tiền vay 5.000.000đ và tiền lãi. Bà B được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đình chỉ này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Huỳnh H phải chịu số tiền 3.350.000đ (Ba triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa